

(Issues in language change and the phonemic status of /a/ in the Quang Nam dialect)  
NGÔN NGỮ BIẾN ĐỔI VÀ SỔ PHÂN CỦA NGUYÊN ÂM /a/ TRONG GIỌNG  
QUẢNG NAM

Andrea Hòa Phạm

*Tạp Chí Ngôn Ngữ [Journal of Linguistics]*, vol. 6, 10-18, 2014.

**Abstract**

*This paper addresses methodological approaches in phonemic analyses and issues in language change in a discussion of the status of vowel /a/ in the Quang Nam dialect. A recent publication claims that there is no vowel /a/ in this dialect, and that the phonemic system of this dialect results from the accent of Cham people speaking Vietnamese during the coexistence between Cham and Viet people from the 14<sup>th</sup> to the 17<sup>th</sup> centuries. Using data from recent fieldwork, this paper describes how a dialect or language is examined synchronically. Not only does Quang Nam dialect have the vowel /a/, but length is also distinctive. Migration and language contact between the Cham and the Viet people could trigger, even accelerate changes; however, inherent tendencies of human language seem to be the underlying causes, and the changes are regular. Without recognizing these tendencies and comparing the two languages during the mentioned periods, the claim that those “peculiar” rhymes of the Quang Nam dialect are results from Cham’s accent has no linguistic foundation.*

**Tóm tắt**

*Bài viết này trao đổi về nhận định cho rằng giọng Quảng Nam hiện nay không có nguyên âm /a/, và rằng giọng nói của người Quảng Nam hiện nay là do người Chăm tập nói tiếng Việt từ việc tiếp xúc và sống chung với người Việt qua nhiều thế kỷ. Qua việc dùng cứ liệu thu được từ khảo sát điền dã, bài viết trình bày cách miêu tả một phương ngữ từ cái nhìn đồng đại, theo đó giọng Quảng Nam không những có nguyên âm /a/ mà còn đối lập âm vị học về độ dài. Những biến đổi trong giọng Quảng vẫn tuân theo các qui luật thông thường. Nhận định rằng hình dạng của hệ thống vần hiện nay của giọng Quảng là kết quả “ngữ điệu” (accent) của giọng Chăm là không có cơ sở về mặt ngôn ngữ, nhất là khi không có được một so sánh nào giữa hai ngôn ngữ vào thời kỳ được cho là tiếng Việt bị ảnh hưởng từ giọng Chăm.*

Khi cuốn sách “Có 500 Năm Như Thế”, tác phẩm đoạt giải thưởng Sách Hay năm 2013 của Hồ Trung Tú được xuất bản lần đầu [Hồ Trung Tú, Có 500 Năm Như Thế - Bản sắc Quảng Nam từ góc nhìn phân kỳ lịch sử, 2010, Hà Nội: NXB Thời Đại], tôi có viết một bài điểm sách đăng trên Tạp chí của Hội Khoa Học Lịch Sử Việt Nam số 404, tr. 33-34, 2012. Cuốn sách đã được tác giả sửa chữa và in lại lần thứ hai. Gần một nửa cuốn sách dành nói về giọng Quảng Nam. Bài này bàn về một số vấn đề thuộc lý thuyết ngôn ngữ học và nguyên tắc làm việc của ngành ngữ âm và âm vị học khi miêu tả một giọng địa phương, và dẫn chứng vài trường hợp tiêu biểu về hiện tượng thay đổi một hay vài âm vị trong một ngôn ngữ hay tiếng địa phương. Bài viết không có ý định trao đổi về các

vấn đề khác trong phần lý giải ngữ học trong cuốn sách, mà chỉ hạn chế về nhận định: “tiếng Việt khi qua đèo Hải Vân, tức giọng nói người Quảng Nam, đã đánh mất nguyên âm a” [Hò Trung Tú, sdd, tr.156], và cũng chỉ bàn về giọng Quảng Nam trong nhất cắt đồng đại (synchronic). Giọng Quảng Nam đôi khi sẽ được viết tắt dưới đây là ‘giọng Quảng’, giọng Hà Nội đôi khi cũng được gọi là giọng Bắc.

Vấn đề phát âm trong giọng Quảng Nam hiện thu hút nhiều độc giả. Đặc biệt là sau khi nghệ sĩ Ánh Tuyết ra một CD hát nhạc bolero bằng giọng Quảng, nhiều bài báo bàn về giọng Quảng nam cũng đã được đăng, trong đó có những nhận định như “Khi nói, người Quảng mình ít phân biệt được dấu hỏi và ngã, nguyên âm /ao/ và /ô/, một số phụ âm cuối /n; ng/ và /t;c/... và gọi đó là “những khiếm khuyết về cách phát âm” [Phan Thanh Minh, báo Lao Động Cuối Tuần, 1/10/2011], hoặc trong bài viết tiếng "Quảng Nôm" của tác giả Huỳnh Trương Phát trên báo Quảng Nam cuối tuần số 1812: "nói sai chính tả là đặc trưng của giọng nói Quảng Nam" [dẫn theo Phan Thanh Minh, LDCT]. Ở đây chúng ta không nói về việc giọng địa phương nào nên được xem là “giọng chuẩn”, mà chỉ bàn về việc miêu tả một tiếng địa phương như thế nào trong tương quan với một giọng địa phương khác được coi là chuẩn, trong trường hợp này là giọng Hà Nội, một giọng đáp ứng đầy đủ nhất quan hệ một đôi một với chữ viết Việt.

Có hai vấn đề chính mà một sinh viên ngữ học nào cũng sẽ nghe qua trước khi đi thu thập tư liệu để sau đó miêu tả ngôn ngữ hay giọng địa phương nào đó. Một là cách làm việc của các nhà ngữ học khi miêu tả hệ thống ngữ âm/âm vị của một ngôn ngữ hay tiếng địa phương dựa trên chất liệu thu được từ công việc điền dã. Hai là nhận ra âm nào là cốt tử, tham gia vào việc phân biệt nghĩa của từ, và âm nào là biến thể tự do, biến thể cá nhân, hay biến thể đơn lẻ trong nội bộ vùng (tức không ảnh hưởng đến việc có thể làm thay đổi hệ thống của ngôn ngữ hoặc giọng nói đó). Bài này tập trung bàn về vấn đề thứ nhất.

Khi miêu tả một giọng địa phương theo cách nhìn đồng đại, nhà ngôn ngữ học xem nó như một chỉnh thể thống nhất và có hệ thống. Miêu tả một thổ âm châu Mỹ hoặc một giọng địa phương của tiếng Việt, cách làm đều tương tự như nhau. Song việc dùng giọng Bắc làm chuẩn, so sánh giọng Quảng Nam với giọng Bắc rồi nhận định giọng Quảng Nam không có nguyên âm ‘a’ vì người Quảng Nam nói *gà* thành *gò*, hoặc không có nguyên âm ‘a ngắn’ vì người Quảng Nam nói *ấn* thành *eng*, là mặc nhiên cho rằng giọng Quảng nam cũng phải có tất cả các âm như trong giọng Bắc, và các âm này cũng phải xuất hiện trong các từ như chúng xuất hiện trong giọng Bắc. Việc căn cứ vào vốn từ vựng chung và cách phát âm của người Bắc, thấy người Quảng không phát âm như thế và kết luận người Quảng nói sai âm này âm kia, phần lớn là do sập vào cái bẫy của chữ viết, đặc biệt là khi giọng “chuẩn” lại phản ánh gần trọn vẹn những “chữ cái” có trong tiếng Việt.

Nếu mô tả giọng Quảng như một hệ thống độc lập và toàn vẹn, thì sẽ không phải đi tìm âm nào cả. Thay vào đó, chọn mời một số người Quảng Nam theo những tiêu chuẩn sau: những người chưa hoặc ít khi ra khỏi làng mình, lý tưởng nhất là người thuộc thế hệ thứ hai thứ ba sinh trưởng nơi đó, không có nhiều cơ hội tiếp xúc với những người ở địa phương khác, không làm những nghề buộc giao thiệp nhiều với người địa phương

khác, như làm nghề bán hàng hoặc thầy cô giáo để bảo đảm cộng tác viên không ‘chỉnh’ giọng của mình theo giọng chuẩn, hoặc bị ảnh hưởng giọng nơi khác mà không để ý (điều này rất thường gặp). Chọn những người này làm cộng tác viên, ngay cả nếu người làm nghiên cứu có tin tưởng họ không sửa giọng chỗ này chỗ kia, thì những chuyên gia trong ngành có nhiệm vụ đọc và nhận xét bài báo có thể nghi ngờ tính chân thực của tư liệu. Cộng tác viên cũng phải còn đủ răng để luồng hơi phát ra không bị thều thào ảnh hưởng đến các chỉ số đo của tần số cơ bản, các formants... nhất là với nguyên âm. Sau khi có cộng tác viên rồi, thu tiếng nói của họ (từ những tình huống nói chuyện tự nhiên nhất đến những tình huống phát âm thận trọng như đọc bảng từ), để lấy được mẫu của tất cả các vần có trong tiếng Việt. Sau khi thu thập tư liệu, lọc tất cả các âm tiết cần khảo sát, phiên âm ra. Sau đó sắp xếp những gì thu thập được thành hệ thống, như sắp xếp các quân cờ trên một bàn cờ. Lúc đó mới thấy nó có những quân cờ gì và thiếu quân gì, vị trí của mỗi quân trên bàn cờ và tương quan giữa các quân cờ. Từ đó mới xác lập được một hệ thống âm vị tương đối hoàn chỉnh – cho đến lúc nào đó có phát hiện mới mà có thể thay đổi diện mạo của hệ thống.

Làm theo kiểu này sẽ “nghe” thấy được âm ‘a dài’ ở một số địa phương trong giọng Quảng: người Quảng Nam ở Hòa Vang (vì có thể vùng khác sẽ nói khác) phát âm *tay*, trong giọng Bắc là ‘a ngắn’, thành *ta* (‘a dài’). Nguyên âm ‘a dài’ này có đủ tất cả tính chất của ‘a dài’ trong âm tiết mở của giọng Bắc, đang hoảng chiếm vị trí của ‘a dài’ trong hệ thống, không thua kém nguyên âm ‘a dài’ trong giọng Bắc. Còn *gà* thành *gò*, *lạ* thành *lò* thì là câu chuyện của một nguyên âm khác sẽ bàn ở phần sau.

Ngay cả như vậy cũng chưa đủ để kết luận phải chăng giọng Quảng Nam có âm vị ‘a dài’ nếu nó không đối lập với ‘a ngắn’ trong hệ thống của nó. Ở giọng Bắc, chúng ta nhận diện được nguyên âm ‘a dài’ trong từ *lan* chỉ khi nó đối lập với ‘a ngắn’ như nguyên âm trong từ *lăn*. Nếu muốn tìm xem giọng Quảng Nam có ‘a ngắn’, đối lập với ‘a dài’ như *lan* / *lăn* trong giọng Bắc hay không, có thể làm một vài thí nghiệm nho nhỏ: Đưa một người Hòa Vang biết đọc biết viết một mảnh giấy chỉ có chữ *anh*, không có ngữ cảnh gì, và nói họ đọc lên bằng giọng Hòa Vang, họ sẽ đọc như *ăn* của giọng Bắc (‘a ngắn’). Hoặc đưa cho một người Quảng ở Hòa Vang không biết đọc, một vật màu xanh, và hỏi họ đây là màu gì. Nếu chỉ nghe giọng họ trả lời mà không nghĩ đến chữ viết, thì sẽ nghe một âm tương tự như người Bắc nói từ *xăn*. Từ *mát* [mɔk] (‘ơ ngắn’) của giọng Hà Nội người Quảng Nam phát âm gần như *mắc* [mak].<sup>1</sup> Nguyên âm trong *anh*, *xanh* và *mát* chính là ‘a ngắn’ của giọng Hòa Vang. Còn trường hợp *ăn mắc* trong giọng Bắc nói thành *eng męc* trong giọng Quảng, thì đó là ‘e dài’ của giọng Quảng, không vì thế mà ‘a ngắn’ bị mất chỗ trong hệ thống âm vị giọng Quảng Nam. Âm ‘a dài’ trong giọng Quảng Nam cũng tìm thấy ở chỗ bất ngờ khác, ví dụ đó là nguyên âm như trong từ *móc* mà người Quảng Nam phát âm thành *mác* [ma:k].

<sup>1</sup> Vương Hữu Lễ và Hoàng Dũng (1994:92) cũng chỉ ra rằng nguyên âm ‘ơ ngắn’ trong giọng Hà nội được phát âm như ‘a ngắn’ trong giọng Quảng Nam, như *ân nhân* [ɲn ɲnɲ] thành *ăng nhăng* [aŋ ɲaŋ] trong khi ‘a ngắn’ của Hà nội được phát âm như ‘e dài’ trong giọng Quảng Nam, ví dụ *ăn năn* [aŋ ɲaŋ] thành *eng neng* [ɛ:ŋ nɛ:ŋ]. Trong giọng Quảng Nam, cũng như đa số giọng phía Nam, ‘ơ’ không có đối lập ngắn/dài [Andrea Hoa Pham 2006].

Bảng dưới đây là kết quả của cách làm việc như trên, liệt kê các nguyên âm trong giọng Quảng và đưa một vài ví dụ cho mỗi âm. Tư liệu thu được từ khảo sát điền dã thực hiện năm 2013 ở một số địa phương thuộc huyện Điện Bàn, Quế Sơn, Thăng Bình và Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam. Phiên âm quốc tế của các nguyên âm trong ngoặc vuông [ ], là ký hiệu ngữ âm (phonetics). Bảng này không ghi giá trị âm vị học (phonology) của tất cả các âm kể cả phụ âm đầu, phụ âm cuối và thanh điệu, thường đặt trong dấu //. Khi hai vần khác nhau trong giọng Bắc và trong chữ Quốc ngữ được nói thành một vần như nhau trong giọng Quảng, hai vần này được ngăn bởi dấu đơn /, ví dụ như *khắc/ khét* người Quảng đều nói thành *khéc*.

[i]	mít [mic], in [ʔip], ít [ʔic]
[i:]	ly [li:], tím [ti:m], kiém [ki:m], giéng [ji:ŋ], chiêm [ci:m], kién [ki:ŋ], điéc [di:k].
[iə]	mía [miə], kia [kiə].
[e]	đén [deŋ], lên [leŋ], hết [hec], chết [cec], heo [hew], mèo [mew], thếp [tʰep].
[e:]	kề [ke:], đê/ đem [de:m], éch [ʔe:t], lênh [le:n], bệnh [be:n].
[ɛ:]	mẹ [mɛ:], xéng [sɛ:ŋ], đen [dɛ:ŋ], khắc/ khét [xɛ:k], rắn [rɛ:ŋ], mắt/ méc [mɛ:k], cắt/ két [kɛ:k], hắc/ hét [hɛ:k].
[u]	cúm [kum], ích [ʔut], đích [dut], lính [lun], đức [duk], lưng [luŋ].
[u:]	từ [tu:], uớt [ʔu:k], lược [lu:k], búóm [bu:m], cướp [ku:p].
[uə]	cải [kua], dừa/ dài [juə], mưa/ mai [muə], hứa/ hái [huə], tựa/ tại [tuə].
[ɤ:]	tơ [tɤ:], cơm [kɤ:m], lớp [lɤ:p], ót [ʔɤ:k], tôm [tɤ:m].
[a]	câm [kam], ắm [am], sấm [sam], nắc [nak], nhắc [ɲak], đất [dak], lạnh [lan], nhần [ɲaŋ], khách [xat], sạch [sat].
[a:]	bảy [ba:], sáu [sɑ:], đau [da:], tay [ta:], lắóm [la:m], bắp [ba:p], ong [ʔa:ŋ], khóc [xa:k], học [ha:k].
[u]	múc [mukp], đứng [duŋm].
[u:]	mù [mu:], hút [hu:k], nhuôm [ɲu:m], chuột [cu:k], buồn [bu:ŋ]
[uə]	hỏi [huə], coi/ cua [kuə], tời/ tủa [tuə], voi/ vua [juə].
[o:]	số [so:], một [mo:k], tốt [to:k], gom [ɣom], hợp [ho:p], táo [to:], cháo [co:], gạo [ɣo:]
[ɔ]	to [tɔ:], ông [ʔɔŋm], chồng [cɔŋm], óc [ʔɔkp], rồŋ [rɔŋm].
[a]	cá [ka], lá [la], làm [lam], mát [mak], khác/ khát [xak] ‘be thirsty, ngáp [ɲap], bàn [baŋ], làng [laŋ], cát/ các [kat].

Theo phiên âm trên, các nguyên âm sẽ được sắp xếp theo bảng nguyên âm như dưới đây. VC dùng để biểu thị nguyên âm ngắn trong phần vần, V:C dùng để biểu thị nguyên âm dài trong phần vần. Ở đây chỉ nói đến âm tiết đóng (có phụ âm hoặc bán nguyên âm sau nguyên âm chính), vì trong tiếng Việt đối lập âm vị học dài ngắn chỉ tìm thấy trong âm tiết đóng. Đối lập âm vị học là đối lập ảnh hưởng đến phân biệt nghĩa của từ, ví dụ *lan*, một loại hoa, và *lăn*, động tác tự quay vòng hoặc làm cho quay vòng, sự phân biệt về nghĩa được thực hiện chỉ ở trường độ nguyên âm. Một số nguyên âm, [ɛ:], [o:], [ɤ:], không có đối lập âm vị học ngắn/dài, cho nên có thể chọn một trong hai biến thể làm biến thể gốc (underlying) tùy theo biến thể nào có lý nhất cho một giải thuyết âm vị.<sup>2</sup>

<sup>2</sup> Ví dụ như khác với giọng Hà Nội, ba “nguyên âm đôi” trong giọng Quảng chỉ xuất hiện trong âm tiết mở. Có hai giải thuyết âm vị học: một là trong giọng Quảng Nam nguyên âm đôi không cho phép phụ âm nào đi theo nó. Giải thuyết này không thuyết phục vì trái với cấu trúc tự nhiên của âm tiết trong những thứ tiếng

Điều chúng ta quan tâm là giọng Quảng, theo cách làm việc như mô tả trên đây, có cả hai nguyên âm ‘a dài’ và ‘a ngắn’ trong hệ thống, cả hai đều mang giá trị âm vị.

	<b>VC</b>				<b>V: C</b>	
i	ɯ	u		i:	ɯ:	u:
				iə	ɯə	uə
e				e:	ɤ:	o:
		ɔ		ɛ:		
	a	ɑ			a:	

Bảng ghi giá trị ngữ âm các nguyên âm trong giọng Quảng.

Nguyên âm [ɑ] là trường hợp đặc biệt, trong tiếng Việt chỉ thấy trong giọng Quảng, và được tác giả “Có 500 như thế” dùng như một trong những chứng cứ để khẳng định nguyên âm ‘a’ biến mất trong giọng Quảng. Trong tiếng Việt giọng Bắc, /w/ có thể theo sau phụ âm đầu, ví dụ như trong *hoa* [hwa], *thuê* [t<sup>h</sup>we], *toán* [twa:n]. Do quy luật phân bố, âm đệm /w/ không đi theo phụ âm môi, ngoài một số từ mượn như xe *buýt* [bwit], thùng *phuy* [fwi]. Người Quảng nói *quí* [kwɨ], *quê* [kwe], *que* [kwe], *quơ* [kwɤ], và *quá* [kwa] của giọng Bắc thành *wí*, *wê*, *we*, *wơ* và *wá*. Nếu theo lập luận cá là *cóa* [kwa] thì đây là nơi duy nhất có thể tìm thấy nhóm phụ âm [kw] trong giọng Quảng. Ở những nơi khác, [kw] chuyển thành [w]. Ngay cả như thế, nguyên âm trong ‘cóa’ chỉ có thể được phiên âm là ‘a dài’! Chi tiết người Quảng Nam nói *quá* [kwa] thành *wá* nhưng vẫn giữ nhóm phụ âm đầu /kw/ ở *cá* cho phép ta nghi ngờ ‘a’ trong *gà*, *lạ*, *cá*, là *oa* [wa], như ngộ nhận.<sup>3</sup>

Xin được mở ngoặc nói thêm về vần *ong óc* như trong từ *học*. Âm cuối của *học* trong giọng Bắc gồm động tác của hai phụ âm, ‘ng’ và ‘m’, cùng phát một lúc (double articulation). Trong *học*, về mặt ngữ âm thì phần vần không bắt đầu bằng một nguyên âm tròn môi. Để mô tả tính chất không tròn môi trong các trường hợp này ở giọng Hà nội, trong cuốn sách Ngữ pháp tiếng Việt in năm 1965, Laurence Thompson đã dùng ‘a ngắn’ phiên âm *ong óc* là ‘ăwng, ăwk’. Hoặc ngược lên rất xa, Alexandre de Rhodes trong từ điển Việt – Bồ - La 1651 phiên âm *móc* là ‘măóc’ [tr. 476 bản in lại năm 1991]. Về mặt âm vị học, các tác giả hiện nay đều phiên âm thống nhất nguyên âm trong *học* là ‘o’. Người Quảng Nam phát âm *học* thành *hạc*. Trước hiện tượng này có thể có ít nhất hai cách giải thích. Cách gọn nhất và tự nhiên nhất, là vần trong từ *học* mang nguyên âm ‘a

có âm tiết đóng. Giải thuyết thứ hai là giọng Quảng không có nguyên âm đôi. [ə] trong các kết hợp [iə], [ɯə] và [uə], đóng vai trò âm cuối như các bán nguyên âm /j/ và /w/. Bảng âm vị nguyên âm sẽ loại bỏ ba ‘nguyên âm đôi’ trên.

<sup>3</sup> Vương và Hoàng (1994:92) xếp nguyên âm này vào nguyên âm hàng thấp, dòng sau, tròn môi, dùng ký hiệu [ɒ]. [ɑ] hay [ɒ] cũng không tạo nên thế đối lập, hoặc phá vỡ hệ thống và nằm ngoài phạm vi bài này.

dài' trước [k], phiên âm là [ha:k]. Cách giải thích thứ hai là vần 'oc' trong giọng Quảng, như trong giọng Bắc, cũng gồm nguyên âm 'o' (tròn môi) và phụ âm cuối là âm đôi ngạc-môi [kp]. Theo luật biến dị (hai âm cố thuộc tính giống nhau khi phân bố gần nhau thì hoặc một âm bị lược bỏ hoặc thuộc tính chung bị loại trừ lẫn nhau), sau nguyên âm tròn môi 'o', tính chất môi [p] của phụ âm cuối bị loại bỏ, chỉ còn lại đặc trưng ngạc ([k]), đồng thời 'o' bị dị hóa (dissimilation), nên *hoc* thành *hac*. Dị hóa là một trong những hiện tượng thường gặp trong ngôn ngữ.

Chúng ta cũng đã biết, thường khi tiếp nhận một ngôn ngữ mới, người học có xu hướng biến những âm khó đọc, hoặc không có trong giọng nói của họ, thành những âm gần giống hoặc có trong tiếng nói của họ, hoặc "sửa" cấu trúc âm tiết "lạ" thành cấu trúc âm tiết trong tiếng mẹ đẻ. Những *pile, poste, poupé* của tiếng Pháp vào tiếng Việt thành *bốt, bin, búp bê* một cách tự nhiên, vì tiếng Việt không có phụ âm đầu [p]. Nhiều người Việt, có khi sống lâu năm ở Mỹ, vẫn phát âm *nine* [na:jn] 'số chín' thành *nai* thay vì *nai no*, bởi vì trong tiếng Việt sau âm cuối [j] không có phụ âm nào được đi theo, cho nên [n] phải bị loại. Đây là lãnh vực nghiên cứu của một tiểu ngành trong ngôn ngữ học: Second Language Acquisition (tạm dịch là Việc học Ngôn Ngữ Thứ Hai). Nếu giọng Quảng có diện mạo hiện nay là do *accent* của bà mẹ Chăm khi nói tiếng Việt, thì yếu tố nào trong tiếng Chăm đã làm bà mẹ phát âm từ *gạo* tiếng Việt thành *gợ*? Tiếng Chăm thế kỷ 17 tuy có khác tiếng Chăm hiện nay, cũng không thể tới mức như một tiếng nói hoàn toàn khác. Âm thanh trong ngôn ngữ thay đổi rất chậm. Hơn nữa, ảnh hưởng qua lại giữa các ngôn ngữ Chăm, Việt và Khmer là vấn đề phức tạp. Chẳng hạn Brunell 2009 cho rằng người Chăm Đông (Eastern Cham) sống chung với người Việt, tuy có xu hướng hình thành thanh điệu trong tiếng nói của họ, thì có thể phần nào do ảnh hưởng của tiếng Việt, nhưng việc giao tiếp với người Việt chỉ có thể kích thích và làm mạnh (strengthen) phẩm chất thanh điệu vốn có sẵn trong tiếng Chăm Đông, chứ không nhất thiết rằng vì sống chung với người Việt nên tiếng Chăm hình thành hệ thống thanh điệu như tiếng Việt. Còn người Chăm Tây (Western Cham) sống lẫn với người Khmer, tuy tiếng nói của họ không phát triển theo hướng phân biệt hai âm vực (register) như tiếng Khmer nhưng hiện tượng giảm nguyên âm trong từ đa âm tiết trong tiếng Khmer lại thấy xuất hiện trong tiếng Chăm Tây. Điều này đi ngược lại quan điểm của Brunell [Kaori Uaki, 2011, tr. 32].

Khi đưa ra luận điểm của mình, tác giả "Có 500 Như Thế" không có một phần nào nhắc qua các đặc điểm của hệ thống âm vị của tiếng Chăm trung đại cũng như hiện đại, ngoài việc nêu một số nhận định rời rạc về đặc trưng của giọng Quảng Nam hiện nay.

Một điều nữa là khi một bộ phận âm thanh nào đó của một ngôn ngữ biến đổi, thường yếu tố "mới" đã có mặt đâu đó trong những phương ngữ gần gũi. Thậm chí, yếu tố được gọi là "mới" đó có khi đã từng có mặt trong chính phương ngữ đang xét. Ví dụ người New York vốn không phát âm âm cuối [r] trong các từ như *car, bear, beard*, nhưng nay đang xảy ra hiện tượng âm cuối [r] được phát âm trong giọng nói của họ [Labov 1972]. Âm cuối [r] không phải là một cái gì mới, mà đã tồn tại trong giọng nói của người Anh và người Hoa kỳ từ trước. Đến cuối thế kỷ thứ 18 thì [r] biến mất trong giọng nói người Luân đôn và Boston. Đến lượt New York cũng theo đó loại bỏ âm cuối [r]. Trong khoảng thời gian Chiến tranh Thế giới thứ Hai thì âm cuối [r] dần dần trở lại

trong giọng nói của người New York. Labov cho rằng có thể do nhu cầu muốn khẳng định căn cước Hoa kỳ (American identity) vào thời kỳ này nên người Mỹ đã chọn cách phát âm âm cuối [r] để phân biệt với người Anh. Tuy đó chỉ là giả thiết để giải thích sự xuất hiện của âm cuối [r] trong giọng New York hiện nay, điều chắc chắn là âm cuối [r] này không phải từ trên trời rơi xuống, mà đã có mặt trong một số phương ngữ ở Hoa kỳ. Một ví dụ khác về ngôn ngữ biến đổi mà Labov khảo sát, là sự thay đổi của các nguyên âm đôi [a:w] như trong *house* ‘nhà’, và [a:] như trong *knife* ‘dao’, trong giọng nói của cư dân đảo Martha’s Vineyard, một hòn đảo chỉ có khoảng 6.000 dân thuộc tiểu bang Massachusetts. Bộ phận đầu của các nguyên âm đôi này chuyển sang một âm gần như [ə] (nguyên âm giữa, cao hơn nguyên âm [a]). Sự thay đổi này khởi mào từ một số ngư dân đảo. Hóa ra cách phát âm “mới” của các nguyên âm đôi này lại là cách phát âm rất cũ đã tồn tại ở lục địa Hoa kỳ từ khoảng các thế kỷ thứ 17, 18. Đối mặt với hiện tượng khoảng 40.000 du khách ào ạt đến đảo vào mùa hè và mua hầu hết các bãi biển của họ, nhóm ngư dân đảo, một cách vô thức (subconscious), bảo lưu cách nói cổ của nguyên âm đôi như một sự tự khẳng định giá trị truyền thống của dân đảo. Sau đó nhóm thanh niên và trung niên địa phương nhìn những ngư dân đảo như hình ảnh của lòng can đảm, sự độc lập của dân đảo, nên các tầng lớp này cũng bắt chước theo cách phát âm của họ. Trường hợp âm cuối [r] của người New York là thay đổi có ý thức, xảy ra đầu tiên ở tầng lớp thượng lưu, sau đó truyền lan tích cực nhất trong tầng lớp trung lưu cấp thấp vì nhu cầu “khẳng định đẳng cấp” mạnh mẽ của bộ phận này. Còn trường hợp các nguyên âm đôi ở đảo Martha Vineyard là hiện tượng thay đổi xảy ra một cách vô thức, do lớp trẻ và tầng lớp trung niên bắt chước theo nhóm ngư dân để khẳng định tính cách độc lập và đặc trưng của dân đảo trước dòng du khách nườm nượp. Trong cả hai trường hợp, những yếu tố phát âm “mới” hoàn toàn là những yếu tố đã có trước đây trong giọng nói của họ hoặc của các phương ngữ gần gũi, chứ không phải là một cái gì đột ngột hình thành, không có cội rễ.

Cái khác của giọng Quảng so với các giọng nói khác ở miền Trung và miền Nam, ngoài nguyên âm /a/, là ở bộ phận vần. Với 16 vần chuyển đổi [Andrea Hoa Pham, 2013] giọng Quảng Nam khác đến nỗi những người quen thuộc với các giọng địa phương khác nếu không có ngữ cảnh nhiều khi cũng không hiểu nổi. Những biến đổi của nguyên âm trong phần vần thường do ảnh hưởng của môi trường (context) nó xuất hiện, và là những hiện tượng biến đổi bình thường, tự nhiên, như GS Cao Xuân Hạo đã giải thích thích đáng một số trường hợp trọng giọng Quảng Nam [Cao Xuân Hạo, 1996]. Để hiểu các biến đổi này, cần nhìn vào hệ thống và những nguyên nhân nội tại của ngôn ngữ. Ví dụ xu hướng “giản tiện hóa” (simplification) và nguyên tắc tiết kiệm của ngôn ngữ [Vicentini 2003] giải thích sự lược bỏ phụ âm đầu trong /hw/, /xw/, /ɲw/ và /ʔw/ (như *huyền*, *khuyên*, *nguyên* và *uyên* đều phát âm thành *wiên*), hoặc bỏ /w/ trong các kết hợp mà phụ âm đầu không phải là ‘h’, ‘kh’, ‘ng’ hoặc âm tắc họng, như *tuyên* thành *tiêng*, *duyên* thành *jiêng*, *thuế* thành *thé*, xảy ra với phần lớn các giọng địa phương nằm ngoài vùng nói ‘giọng Bắc’. Hoặc sự biến mất của các âm cuối [t], [n] sau nguyên âm dòng giữa và dòng sau trong các giọng nói từ Huế vào cực Nam. Xu hướng này cũng thấy trong sự biến mất của các âm tắc cuối [p], [t] và [k] trong tiếng Pháp, tiếng Trung quốc và tiếng Maori. Những biến đổi này thường là tự nhiên và liên quan đến hiệu quả phát âm và tiếp nhận âm. Ví dụ sự biến mất của các âm cuối tắc vì âm tắc ở vị trí cuối âm tiết phát âm yếu hơn hẳn so với ở vị trí âm đầu, do vậy cũng khó nghe rõ. Tương tự, ví dụ việc âm cuối [n] trong [an] trong tiếng Trung quốc và tiếng Pháp rơi rụng để chuyển thành tính

mũi hóa của nguyên âm [a] có lý do sinh học: khi phát âm [a] phần khoang mũi không khép được hoàn toàn nếu đi sau nó là một âm mũi. Nguyên âm [a] được giải thích là nguyên âm “yếu” nhất khi xuất hiện trước âm mũi [Aitchison, sđd, tr. 124].

Một trong hai giả thiết (assumption) cơ bản của ngôn ngữ học lịch sử so sánh (comparative historical linguistics) là trong đại đa số trường hợp, biến đổi của âm là theo quy luật và tự nhiên, không phải đột biến và ngẫu nhiên [Aitchison, tr. 23]. Việc dân Chăm và di dân Việt sống với nhau trong một thời gian dài như thế ở một hoàn cảnh lịch sử phức tạp như thế, như tác giả Hồ Trung Tú lý giải, rất có thể là một trong những điều kiện quan trọng hình thành và thúc đẩy những biến đổi trong giọng nói cả về lượng lẫn chất trong tiếng Quảng. Song ảnh hưởng qua lại của việc tiếp xúc lâu dài giữa tiếng Việt và tiếng Chăm ở chỗ nào và đến chừng mức nào là chuyện cần chứng cứ, bởi vì nếu nói tiếng Quảng hiện nay là do người Chăm nói tiếng Việt với giọng Chăm, thì phải giải thích được vì sao hai lại thành hưa mà không thành ha hay hi chẳng hạn. Mà không phải chỉ ở một vần. Điều gì làm người Chăm nói ai thành ua, oi thành ua, ao thành ô, quan trọng hơn, những biến đổi này như được “tính toán sắp xếp” sẵn để cho ra một hệ thống chặt chẽ và tự nhiên như tiếng Quảng?

Tóm lại, khi những phát âm “sai biệt” này trong giọng Quảng Nam so với giọng Bắc nhiều vô kể, thì khó thể nói tất cả các biến âm như thế hoàn toàn là ngẫu nhiên. Trong biến đổi ngôn ngữ những nhân tố xã hội, chính trị là nguyên nhân bề mặt, hoặc tức thời, những tác nhân nội tại của ngôn ngữ như tính chất cố hữu (inherent) của bộ phận cấu thành cơ chế phát âm và tâm lý, ý thức của con người là nguyên nhân sâu xa thúc đẩy sự biến đổi. Điều quan trọng là dù nguyên nhân nào là nổi trội, những biến đổi này cũng không xảy ra ồ ạt cùng một lúc mà dần dần, và không nằm ngoài các quy luật tự nhiên nói trên của ngôn ngữ, lại càng không phải là những biến đổi “độc quyền sở hữu” chỉ thấy trong giọng Quảng Nam. Có nhiều âm biến đổi theo tính chất “xâu chuỗi” trong giọng Quảng, ví dụ *nhắc* thành *nhắc*, *nhắc* thành *nhéc*, hay *xông* thành *xong*, *xong* thành *xang*. Tìm hiểu xem những biến đổi có tính chất dây chuyền đó bắt đầu từ “mắt xích” nào là việc làm thú vị và bổ ích để hiểu thêm về giọng Quảng Nam nói riêng và lý thuyết về biến âm (sound change) nói chung.

## References

1. Alexandre de Rhodes. Từ điển Annam – Lusitan – Latin, 1651. NXB Khoa Học Xã Hội in lại 1991.
2. Aitchison, Jean. *Language Change: Progress or Decay?*, 2<sup>nd</sup> edition. Cambridge University Press. Cambridge, 1991.
3. Alessandra Vicentini. *The Economy Principle in Language*. Mots Palabras Words, 3, 2003. Milano.
4. Brunell, M. Contact-induced change? Register in three Cham dialects. *Journal of the Southeast Asian Linguistics Society* 2, 1-22, 2009.
5. Cao Xuân Hạo. Nhận xét về các nguyên âm của một phương ngữ ở tỉnh Quảng Nam, *Ngôn Ngữ*, số 2, tr. 22-29, 1986.



6. Cao Xuân Hạo. Nhận xét về các nguyên âm của một phương ngữ ở tỉnh Quảng Nam, trong *Tiếng Việt – mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*. NXB Giáo dục, 1998.
7. Kaori Uaki. *Prosody and Intonation of Western Cham*. Ph.D. dissertation. University of Hawai'i at Manoa. 2011.
8. Labov, William. *Sociolinguistic patterns*. Philadelphia, PA: University of Press, 1972.
9. Hồ Trung Tú. *Có 500 Năm Như Thế - Bản sắc Quảng Nam từ góc nhìn phân kỳ lịch sử*. Hà Nội: NXB Thời Đại.
10. Andrea Hoa Pham. Đọc “Có 500 Năm Như Thế”, trong *Xưa Và Nay*, Tạp chí của Hội Khoa Học Lịch Sử Việt Nam, số 404, tr. 33-34. Hanoi. 2012.
11. Andrea Hoa Pham. Vowel Chain in Vietnamese. Talk presented at the *23th Annual meeting of the Southeast Asian Linguistic Society*. Bangkok, Chulalongkorn University, May 29-31, 2013.
12. Thompson, Laurence. 1965. *Vietnamese Grammar*. University of Washington Press, Seattle, 1965.
13. Vương Hữu Lễ và Hoàng Dũng. *Ngữ Âm Tiếng Việt*, NXB Giáo Dục. Hà Nội, 1994.